

Số: 212/2025/DS-PT

Ngày: 27/3/2025

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang

Ông Vũ Viết Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát NDTP Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 412/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DSST, ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo, và kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 18/QĐKNPT-VKS-P9 ngày 13/9/2022.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 369/2023/QĐ - PT ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội. – *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Lê Văn C, sinh năm 1965; Trú tại: P102-D1 phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội. – *Có mặt.*

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. – *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Phạm Văn Th – Công ty Luật TNHH B - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. – *Có mặt.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Quốc T, sinh năm 1942. Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội. – *Có mặt.*

2. Cụ Đặng Thị A, sinh năm 1936 (*đã chết*);

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966; – *Vắng mặt.*

4. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986; – *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H1: Luật sư Phan Kế H – Công ty Luật TNHH B - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. – *Vắng mặt.*

5. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1993; – *Có mặt.*

6. Chị Trương Thị Minh T, sinh năm 1991; – *Vắng mặt.*

7. Chị Đàm Thị Trang Nh, sinh năm 1993; – *Vắng mặt.*

8. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993; – *Có mặt.*

9. Chị Lê Thị H, sinh năm 1994; – *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

10. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962; – *Vắng mặt.*

11. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1975; – *Vắng mặt.*

12. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; – *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

13. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Đội 7, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

14. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: đội 8, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

15. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội.

16. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1976; – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khu Ch, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

17. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980; – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L;

- Bị đơn ông Nguyễn Huy H;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Quốc T, anh Nguyễn Văn H1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn C trình bày:

Năm 1971 theo chính sách giải phóng lòng sông Nhà nước đã giao cho hộ gia đình cụ Đặng Thị N (là mẹ đẻ của bà L) thửa đất có diện tích 1 sào rưỡi tại địa chỉ đội 2, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Theo bản đồ đo vẽ năm 1985 là thửa đất số 447, tờ bản đồ số 01, diện tích là 582m² đứng tên người sử dụng đất là bà Đặng Thị N. Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 là thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02, diện tích là 706m² đứng tên người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị L.

Hộ gia đình cụ N gồm các thành viên là cụ N và các con gồm: bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Kh là những người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất trên. Cụ Nguyễn Quốc T là bố đẻ của bà thời điểm hộ gia đình được giao đất thì đi bộ đội chiến đấu không sống cùng vợ con. Năm 1973 cụ T về phép và sống cùng cụ N một thời gian ngắn sau đó không về nhà và sống cùng người phụ nữ khác tại huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Sau khi các em gái đi lấy chồng thì bà L và cụ N vẫn sống trên thửa đất trên. Năm 2015 cụ Nấp chuyển về sống cùng con gái tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn và chết tại đây vào năm 2020. Cụ Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của cụ T trước năm 1971 thì sống cùng cụ N. Thời điểm hộ gia đình cụ N được chia đất theo chính sách giải phóng lòng sông năm 1971 thì cụ Đ sống tại đội 5, xã T, huyện T, không sống cùng hộ gia đình cụ N và sau này cụ T đưa cụ Đ về sống tại huyện T. Năm 1989 cụ Đ chết và chôn cất tại huyện T.

Năm 1997 cụ T về quê tự ý chia cho ông Nguyễn Huy H (là cháu gọi cụ T là chú ruột) diện tích đất có chiều rộng là 7,7m, chiều dài là 27,5m. Cụ T tự ý chia đất cho ông H, cụ N và các con không biết. Sau khi được cụ T cho đất gia đình ông H đã xây dựng nhà ở và sinh sống trên thửa đất. Năm 2013 bà L làm đơn gửi UBND xã T, huyện T để khiếu nại về việc tranh chấp đất với ông H nhưng không được giải quyết. Hiện nay bà L đang trực tiếp quản lý một phần thửa đất tại thửa số 200, tờ bản đồ số 02 diện tích là 116m². Nhà ở và các công trình xây dựng trên phần đất là tài sản của bà L. Ông H và gia đình đang quản lý sử dụng diện tích đất 211m². Trong quá trình sinh sống trên thửa đất này ông H có nhận chuyển nhượng với cụ N một phần diện tích đất và có lấn chiếm một phần tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1993), tuy nhiên bà L không yêu cầu xem xét giải quyết vì không có tài liệu chứng cứ về việc mua bán đất giữa cụ N và ông H.

Khoảng năm 2002 cụ N chuyển nhượng một phần diện tích đất có chiều rộng 04m, chiều dài 25m cho ông Võ Hoài N và bà Đặng Thị T (qua nhiều lần mua bán lại thì hiện chủ sử dụng diện tích đất trên là vợ chồng chị Mai Thị A đang quản lý sử dụng). Năm 2002 cụ T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đình Đ diện tích đất có chiều rộng 5,5m, chiều dài 27,5m. Đối với phần diện tích đất cụ N, cụ T đã chuyển nhượng như trên bà L không yêu cầu xem xét giải quyết, trường hợp nếu có tranh chấp thì bà sẽ làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

Quan điểm của bà L: Đề nghị Tòa án tuyên giao dịch dân sự giữa cụ Nguyễn Quốc T và ông Nguyễn Huy H theo “Giấy cho quyền sử dụng đất” lập ngày 05/10/1997 là vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu như trên. Buộc ông Nguyễn Huy H phải tự tháo dỡ nhà ở và các công trình xây dựng trên đất để trả cho bà L diện tích đất 211m² có chiều rộng 7,7m, chiều dài 27,5m tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 (bản đồ lập năm 1993) mang tên bà Nguyễn Thị L tại đội 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn là ông Nguyễn Huy H trình bày:

Nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp tại đội 2, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội là của cụ Nguyễn Thị Đ là bà nội của ông. Năm 1971 cụ Đ được Nhà nước chuyển đổi diện tích đất từ đội 5 xã T lên đội 2, xã T diện tích là 1 sào 05 miếng tương đương 540m² thể hiện theo “Đơn xin đề nghị” có xác nhận của UBND xã T, huyện T ngày 05/5/1996 (ông H đã giao nộp tài liệu chứng cứ này cho Tòa án). Năm 1997 con trai cụ Đ là cụ Nguyễn Quốc T viết “Giấy cho quyền sử dụng đất” lập ngày 05/10/1997 cho ông được quyền quản lý sử dụng diện tích đất là 211m², chiều rộng là 7,7m, chiều dài là 27,5m tại thửa đất trên. Giấy cho quyền sử dụng đất có chữ ký của cụ T và những người làm chứng là hàng xóm các thửa đất lân cận và trưởng thôn ký xác nhận. Sau khi được cụ T cho đất thì vợ chồng ông xây dựng tường, xây nhà cấp 4 để gia đình sinh sống, năm 2004 vợ chồng ông xây dựng một ngôi nhà ở 02 tầng như hiện nay. Từ thời điểm cụ T cho đất và khi xây nhà ở mẹ con cụ N, bà L không ai có ý kiến gì. Năm 2020 bà L làm đơn khiếu nại tranh chấp đất đai với gia đình ông. Hiện trạng toàn bộ tài sản trên thửa đất do gia đình ông đang quản lý sử dụng do vợ chồng ông xây dựng.

Ông H có quan điểm: Thửa đất gia đình ông đang quản lý sử dụng là của cụ Nguyễn Quốc T cho ông từ năm 1997 đến nay gia đình đã sử dụng ổn định, xây dựng nhà ở kiên cố nay thuộc quyền quản lý sử dụng của ông. Ông H không đồng ý

trả diện tích như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Quốc T trình bày:

Cụ Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của cụ Nguyễn Quốc T. Cụ Đ có hai chồng là cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1932) và cụ Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 1944). Cụ Đ và cụ Đ1 sinh được một người con là cụ Nguyễn Văn T1 (chết năm 1988). Cụ T1 có vợ là bà Đặng Thị A và sinh được 06 người con là ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Thị Th. Cụ Đ và cụ Đ1 sinh được một người con là cụ Nguyễn Quốc T. Cụ T và cụ N có 03 người con chung là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Kh. Bà Nguyễn Thị Th là con riêng của cụ N với người đàn ông khác không phải con đẻ của cụ T và cụ N.

Nguồn gốc thửa đất các bên đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị Đ. Năm 1971 thời điểm nhà nước đổi, cấp đất thì cụ T đang trong quân ngũ, sau này về phép cụ T có nghe cụ Đ nói lại là cụ Đ được đổi đất từ đội 5 lên đội 2, xã T được 01 sào 5 miếng tương đương 540m². Tài liệu chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất là “Đơn xin đề nghị” có đóng dấu của UBND xã T, huyện T ngày 05/5/1996 (chứng cứ này ông H đã giao nộp cho Tòa án). Thời điểm hộ gia đình được cấp đất thì cụ T đang chiến đấu tại chiến trường Miền Nam nên các thành viên nhân khẩu trong hộ gia đình cụ Đ gồm có cụ Đ, cụ N, bà L1, bà L2, bà Th. Năm 1973 cụ T về phép và cùng cụ Đ, cụ N xây dựng một ngôi nhà gianh, mái lợp rạ trên thửa đất được cấp tại đội 2, xã T, huyện T. Năm 1974 cụ T quay lại quân ngũ và năm 1979 cụ T về nghỉ chế độ. Tuy nhiên nhưng do vợ chồng không hợp nhau nên cụ T không sống cùng cụ N mà về chung sống cùng bà M tại huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Từ năm 1971 đến năm 1975 cụ Đ sống cùng cụ N và các con cụ N tại thửa đất được cấp đổi tại đội 2, xã T. Sau năm 1975, do cụ Đ và cụ N mâu thuẫn nên cụ Đ chuyển về sống cùng cụ T1 và cụ A đến năm 1986 thì cụ T đón cụ Đ về phụng dưỡng tại huyện T. Cụ Đ sống cùng cụ T tại huyện T đến năm 1989 thì chết và chôn cất tại huyện T.

Ngày 18/11/2021, cụ T có yêu cầu độc lập như sau: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị Đ, cụ là người con duy nhất của cụ Đ nên đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ thửa đất 1,5 sào tại đội 2, xã T, huyện T thuộc quyền quản lý sử dụng của cụ T; đòi lại quyền quản lý sử dụng đất diện tích 116,2m² do bà Nguyễn Thị L

đang quản lý sử dụng; đề nghị công nhận giao dịch dân sự theo “Giấy cho quyền sử dụng đất” lập ngày 05/10/1997 giữa cụ T và ông H là giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật. Đối với giao dịch chuyển nhượng đất trước đây giữa cụ T, cụ N hiện các thửa đất này do hộ ông Đặng Đình Đ và bà Mai Thị A đang quản lý sử dụng cụ T không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Đặng Thị A trình bày:

Cụ A là con dâu của cụ Nguyễn Thị Đ, là vợ của cụ Nguyễn Văn T1. Khi cụ A về làm dâu được nghe kể là cụ Đ có hai chồng, chồng thứ nhất là cụ Nguyễn Văn Đ2, cụ Đ2 đã chết trước khi cụ A về làm dâu. Cụ Đ và cụ Đ2 sinh được 01 người con là cụ Nguyễn Văn T1 (chết năm 1988). Sau khi cụ Đ2 chết cụ Đ kết hôn với cụ Nguyễn Văn Đ1 và sinh được một người con là cụ Nguyễn Quốc T. Vợ chồng cụ A và cụ T1 sau khi kết hôn về chung sống tại đội 2, xã T và sinh sống cách thửa đất hiện các bên đang tranh chấp là khoảng 100m. Thời điểm cụ T1 còn sống thì cụ Đ có sống cùng vợ chồng cụ A, cụ T một thời gian sau đó cụ T đón cụ Đ về sống cùng để phụng dưỡng.

Quan điểm của cụ A: Nguồn gốc thửa đất các bên đang tranh chấp là tài sản riêng của cụ Nguyễn Quốc T nên cụ A không liên quan đến việc tranh chấp đất như trên. Cụ A không có yêu cầu gì trong vụ án và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn H2, chị Trương Thị Minh T, chị Đàm Thị Trang Nh thống nhất trình bày:

Hiện nay trên thửa đất do gia đình ông Nguyễn Huy H đang quản lý sử dụng tại địa chỉ đội 2, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội gồm các thành viên đang sinh sống gồm: vợ chồng ông H, bà Th và các con là vợ chồng anh H1, chị T, vợ chồng anh H2, chị Nh. Ngoài ra còn có các con của anh H1 và chị T là cháu Nguyễn Trường G (sinh năm 2012), Nguyễn Hải Ph (sinh năm 2018). Nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Thị Đ là bà nội của ông Nguyễn Huy H. Thửa đất này được Nhà nước đổi theo chính sách từ đội 5 lên đội 2, xã T được 1,5 sào tương đương 540m². Cụ Đ hiện chỉ còn người con trai duy nhất là cụ Nguyễn Quốc T còn sống. Năm 1997 cụ T đã viết “Giấy cho quyền sử dụng đất” tặng cho ông Nguyễn Huy H một phần diện tích đất trong thửa đất của cụ Đ. Sau khi được cụ T cho đất vợ chồng ông H đã xây dựng tường gạch và nhà ở cấp bốn để sử dụng. Năm 2004, vợ

chồng ông H, bà Th xây dựng nhà 02 tầng kiên cố như hiện nay. Từ khi nhận đất và xây dựng nhà ở bà L sống ở ngay cạnh thửa đất không có ý kiến gì. Gia đình ông H đã sinh sống ổn định và đóng thuế nhà đất nhiều năm tại thửa đất trên.

Bà Th, anh H1, chị T, anh H2, chị Nh thống nhất với quan điểm của ông H và không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Bà Th, anh H2, chị Nh, chị T có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị H thống nhất trình bày:

Trên thửa đất hiện do bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng gồm các thành viên trong gia đình bà L đang sinh sống gồm: bà Nguyễn Thị L, vợ chồng anh Nguyễn Văn Q, chị Lê Thị H và các con của anh Q, chị H là cháu Nguyễn Thành V (sinh năm 2015), Nguyễn Thanh B (sinh năm 2017). Ngoài ra không còn ai khác sinh sống tại thửa đất trên. Nhà ở và các công trình xây dựng trên đất là của bà L và vợ chồng anh Q, chị H đóng góp xây dựng lên. Tuy nhiên vợ chồng anh Q xác nhận toàn bộ tài sản trên đất là của bà L và không yêu cầu phân tách quyền lợi riêng. Vợ chồng anh Q chị H thống nhất với quan điểm khởi kiện của bà L và không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Chị H có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Kh thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Quốc T và cụ Đặng Thị N sinh được ba người con gái là bà , bà L1, bà Kh. Bà Th sinh năm 1970 là con đẻ của cụ N với người đàn ông khác, không phải là con đẻ của cụ T vì thời điểm này cụ T đang nhập ngũ trong quân đội. Nguồn gốc thửa đất hiện các bên đang tranh chấp là của cụ Đặng Thị N được nhà nước giao cho hộ gia đình cụ N theo chính sách giải phóng lòng sông năm 1971 có diện tích là 1 sào rưỡi. Thửa đất thể hiện theo bản đồ năm 1985 mang tên cụ Đặng Thị Nấp và năm 1993 mang tên bà Nguyễn Thị L. Bà L, bà Th, bà Kh từ khi sinh ra cho đến khi thoát ly khỏi địa phương đi lấy chồng ở Lạng Sơn thì không sống cùng cụ T mà các chị em gái sống cùng cụ N. Sau khi giải ngũ cụ T không về sống cùng mẹ con cụ N và sống cùng cụ Đ một vài năm sau đó chuyển về sống tại huyện T cùng người phụ nữ khác. Năm 1997, cụ T cho ông H một phần diện tích đất tại thửa đất do cụ N, bà L đang quản lý sử dụng nhưng không hỏi ý kiến cụ N và các con gái.

Bà L, bà L1, bà Th, bà Kh xác nhận thửa đất trên là của bà Nguyễn Thị L và không có yêu cầu gì trong vụ án. Bà L1, bà Th, bà Kh có đơn đề nghị xét xử và giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Th thống nhất trình bày:

Các ông bà là con đẻ của cụ Nguyễn Văn T và cụ Đặng Thị A. Cụ T1 đã chết năm 1988 và là con đẻ duy nhất của cụ Nguyễn Thị Đ và cụ Nguyễn Văn Đ2. Sau khi cụ Đ2 chết thì cụ Đ lấy chồng thứ hai là cụ Nguyễn Văn Đ1 và sinh được cụ Nguyễn Quốc T. Cụ T1 và cụ A sau khi kết hôn sinh sống tại thửa đất khác không sống tại thửa đất hiện nay các bên đang tranh chấp. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Quốc T. Do đó cụ T1 và cụ A cùng các con không liên quan đến thửa đất tranh chấp như trên. Năm 1997 cụ T cho ông H một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở. Vợ chồng ông H đã quản lý, sử dụng ổn định nhiều năm không có ai tranh chấp.

Bà D, ông D, bà Th, ông H, ông Th xác định không liên quan đến việc tranh chấp đất giữa các bên trong vụ án nên không có yêu cầu hay đề nghị gì. Bà D, ông D, bà Th, ông H, ông Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Xác minh tại UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội thể hiện: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã Tự Nhiên thửa đất hiện đang tranh chấp là thửa đất số 447, tờ bản đồ số 01 diện tích 582m² (bản đồ năm 1985) người sử dụng đất là bà Đặng Thị Nấp; theo bản đồ năm 1993 là thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02, diện tích 706m², người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Lâm, địa chỉ tại đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Hiện thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 đã bị chia tách thành các thửa đất số 200(A) do gia đình ông Đặng Đình Điệp đang quản lý sử dụng và thửa số 200(A) do gia đình bà Mai Thị Anh đang quản lý sử dụng. Sự biến động của thửa đất này là do cụ Đặng Thị Nấp và cụ Nguyễn Quốc Toàn có giao dịch chuyển nhượng lại hai thửa đất trên và hai thửa đất số 200 (A) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích còn lại của thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 do hộ gia đình bà Nguyễn Thị Lâm và ông Nguyễn Huy Hùng đang quản lý sử dụng. Thửa đất do bà Lâm và ông Hùng đang quản lý sử dụng thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các bên đang tranh chấp. Thời điểm năm 1996 gia

đình ông Hùng xây dựng nhà không có ai tranh chấp. Năm 2020 gia đình ông Hùng tiến hành sửa chữa nhà ở thì bà Lân có đơn khiếu nại gửi UBND xã.

Xác minh tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Thường Tín:
Thửa đất số 200 (A), tờ bản đồ số 02, diện tích 100m², xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín được Sở tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/01/2017 người sử dụng đất bà Mai Thị Anh, ông Trần Mạnh Giảng. Thửa đất số 200 (A), tờ bản đồ số 02, diện tích 141m², xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín được UBND huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2012 người sử dụng đất ông Đặng Đình Điệp.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Hiện trạng tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 có các hộ gia đình đang quản lý sử dụng như sau: Thửa đất số 200 (A) diện tích đo thực tế 115m² do hộ bà Mai Thị Anh đang quản lý sử dụng; Thửa đất số 200(A) diện tích đo thực tế 149,6m² do hộ ông Đặng Đình Điệp đang quản lý sử dụng. Thửa đất do bà Nguyễn Thị Lân đang quản lý sử dụng đo thực tế 116,2m². Thửa đất do ông Nguyễn Huy Hùng đang quản lý sử dụng diện tích đo thực tế là 107,4m²+121,8m² = 229,2m². Tổng diện tích đo thực tế cả thửa số 200, tờ bản đồ số 02 là 610m².

+ Các tài sản trên thửa đất do bà Lân đang quản lý sử dụng gồm: 01 ngôi hai tầng diện tích 36,7m² giá trị 131.481.420 đồng; 01 phần mái tôn giá trị 1.382.160 đồng; cửa sắt giá trị là 10.810.800 đồng; sân lát gạch giá trị là 3.014.760 đồng; mái lợp tôn khung sắt giá trị là 6.884.220 đồng; 01 cây mít giá trị là 950.000 đồng; giá trị quyền sử dụng đất là 20.000.000 đồng/01m². Toàn bộ nhà ở và các công trình trên đất như trên là của gia đình bà Nguyễn Thị Lân.

+ Các tài sản trên thửa đất do ông Hùng đang quản lý sử dụng gồm: 01 nhà bê tông cốt thép 02 tầng diện tích 49,6m² giá trị là 176.506.560 đồng; 01 nhà cấp 4 có khu phụ (gồm phòng ngủ, bếp, nhà vệ sinh) giá trị là 65.784.960 đồng; tường rào 10.890.360 đồng; mái lợp tôn giá trị là 16.872.720 đồng; 02 cây sưa giá trị là 360.000 đồng; giá trị quyền sử dụng đất là 20.000.000 đồng/01m². Toàn bộ nhà ở và các công trình trên đất là của gia đình ông Nguyễn Huy Hùng.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lân đối với ông Nguyễn Huy Hùng.

1.1. Công nhận diện tích đất 116,2m² do bà Nguyễn Thị Lâm đang quản lý sử dụng và diện tích đất 229,2m² do gia đình ông Nguyễn Huy Hùng đang quản lý sử dụng tại thửa số 200, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1993) tại đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội người sử dụng đất hợp pháp là bà Nguyễn Thị Lâm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm yêu cầu ông Hùng trả lại diện tích đất 211m².

1.2. Xác nhận giao dịch dân sự theo "Giấy cho quyền sử dụng đất" ngày 5/10/1997 giữa cụ Nguyễn Quốc Toàn và ông Nguyễn Huy Hùng là giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của pháp luật và bị hủy bỏ.

1.3. Giao cho bà Nguyễn Thị Lâm được quản lý sử dụng diện tích đất 116,2m², nhà ở và các công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1993) tại đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Diện tích đất giao cho bà Lâm được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,1 (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

1.4. Giao cho ông Nguyễn Huy Hùng được quản lý sử dụng diện tích đất 229,2m², nhà ở và các công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1993) tại đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Diện tích đất giao cho ông Hùng được giới hạn bởi các điểm 6,7,8,9,6 (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án).

1.5. Buộc ông Nguyễn Huy Hùng phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Lâm số tiền là: 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468-Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Lâm, ông Nguyễn Huy Hùng được quyền liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Quốc Toàn: xác nhận thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1993) tại đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội người sử dụng đất hợp pháp là bà Nguyễn Thị Đàm, đòi quyền quản lý sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị Lân và công nhận giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Huy Hùng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, **ngày 23/08/2022**, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Lê Văn Cường có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm (*đề ngày 22/8/2022*); **ngày 26/08/2022**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cụ Nguyễn Quốc Toàn, anh Nguyễn Văn Hải và bị đơn – ông Nguyễn Huy Hùng cùng có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến:

- Đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người liên quan;
- Kháng nghị của Viện kiểm sát NDTP Hà Nội là không có căn cứ;
- Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ phải trả lại thửa đất và tự chịu trách nhiệm di dời các công trình đã xây dựng trên đất.

Bị đơn và luật sư trình bày:

- Đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng;
- Đình chỉ giải quyết yêu cầu tuyên Hợp đồng tặng cho giữa cụ Toàn và ông Hùng do hết thời hiệu.

Anh Hải – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm.

Cụ Toàn – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị hủy án sơ thẩm.

Anh Hòa và anh Quyền – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát NDTP Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo hợp lệ, kháng cáo nằm trong thời hạn quy định; về nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử nên được xem xét. Kháng nghị của Viện kiểm sát nằm trong thời hạn quy định.

Theo lời khai của các nhân chứng (ông Nguyễn Văn Nghiệp - nguyên là cán bộ địa chính xã Tự Nhiên, ông Nguyễn Việt Trung - là em họ của cụ Toàn): Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp tại đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội có nguồn gốc là của hộ cụ Nguyễn Thị Đàm do cụ Đàm có đất ở đội 5, thuộc khu vực rìa làng cũng được đổi đất lên đội 2. Đơn đề nghị đứng tên cụ Đàm được Tổ hội đồng cơ sở xác nhận ngày 06/4/1982 và Chủ tịch UBND xã xác nhận ngày 05/5/1996 cũng thể hiện cụ Đàm trả 157 đất ở đội 5 để lấy 185 đất ở đội 2.

Theo cung cấp của UBND xã Tự Nhiên tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2021 thì thửa đất đang tranh chấp “được Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà Đặng Thị Nấp theo chính sách giải phóng lòng sông năm 1972. Trường hợp nhà bà Nấp không có đất ở sông bãi mà có đất ở đội 5 vẫn được đổi đất lên đội 2 để an cư. Thực tế việc đổi đất của hộ bà Đặng Thị Nấp cũng như tài liệu liên quan đến chính sách giải phóng lòng sông hiện tại UBND xã không có văn bản lưu trữ nào liên quan đến việc này”.

Như vậy nhân chứng và UBND xã đều thừa nhận có việc đổi đất từ đội 5 lên đội 2. Tòa án chưa xác minh làm rõ diện tích đất ở đội 5 là đất thuộc quyền sử dụng của cụ Đàm hay của bà Nấp? Nếu là đất của cụ Đàm được đổi lên đội 2 là thửa đất nào, có phải là thửa 200 hiện các bên có tranh chấp hay không? Nếu là đất của bà Nấp thì đương sự có chứng cứ nào để chứng minh? Tòa án cấp sơ thẩm bỏ qua tình tiết có việc đổi đất từ đội 5 lên đội 2 mà các đương sự đều thừa nhận, chỉ căn cứ vào bản đồ các năm 1985, 1993 để xác định diện tích đất được cấp cho bà Nấp là không đúng. Mặt khác, trong đơn xin đề nghị của cụ Nguyễn Thị Đàm có phần xác nhận của Tổ hội đồng cơ sở ngày 06/4/1982 về việc Tổ hội đồng và BCH đội 5 tiếp nhận quản lý 1 sào 7 thước đất của cụ Đàm tại đội 5 xã Tự Nhiên trả lại cho Nhà nước vào năm 1981 nhưng Tòa án chưa xác minh làm rõ hiện nay phần đất tại đội 5 của cụ Đàm hiện tổ chức, cá nhân nào đang quản lý sử dụng là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Tòa án chưa xác minh làm rõ tại sao theo bản đồ đo đạc năm 1985 đất được kê khai đứng tên bà Nấp, sau đó đến năm 1993 kê khai đứng tên bà Lân? Việc bà

Lân đứng tên sử dụng thửa đất số 200, các anh chị em của bà Lân và cụ Toàn có biết không và biết từ thời gian nào?

Tòa án chưa thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất 200A, 200A để làm rõ nguồn gốc đất; làm rõ thời gian bán 2 thửa đất trên bà Lân có biết không, bà đang đứng tên quản lý thì bà có ý kiến gì về việc bán đất đó không.

Như vậy, các chứng cứ có trong hồ sơ chưa đầy đủ để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của người liên quan. Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bác yêu cầu độc lập của người liên quan là chưa đủ căn cứ.

Cụ Toàn và bà Nấp kết hôn năm 1958, thời điểm được đổi đất năm 1971, cụ Toàn đang trong quân ngũ, lúc này cụ Toàn và bà Nấp vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định tại Luật HNGĐ năm 1959 thì tài sản có trước và trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung vợ chồng. Nếu diện tích đất tranh chấp chỉ đứng tên một mình bà Nấp cũng cần phải xác định là tài sản chung của bà Nấp, cụ Toàn. Cụ Toàn và bà Nấp đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung. Cụ Toàn có quyền định đoạt, tặng cho 1 phần quyền sử dụng đất cho ông Hùng. Tòa án cấp sơ thẩm Công nhận diện tích đất 116,2m² do bà Nguyễn Thị Lân đang quản lý sử dụng và diện tích đất 229,2m² do gia đình ông Nguyễn Huy Hùng đang quản lý sử dụng tại thửa số 200, tờ bản đồ số 02 (năm 1993) tại Đội 2, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội người sử dụng đất hợp pháp là bà Nguyễn Thị Lân và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của cụ Toàn là không đúng, làm thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của cụ Toàn, ông Hùng.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Huy Hùng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Quốc Toàn và anh Nguyễn Văn Hải; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát NDTP Hà Nội.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Huy Hùng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Quốc Toàn và ông Nguyễn Văn Hải; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát NDTP Hà Nội; Hủy bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của TAND huyện Thường Tín, giao hồ sơ cho TAND huyện thường Tín giải quyết lại như phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lân có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, bà Lân sinh năm 1960 nên được coi là người cao tuổi và được miễn nộp án phí. Kháng cáo của bà Lân được xác định là hợp lệ về hình thức.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong thời hạn quy định.

2. Xét nội dung của Kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-P9 ngày 13/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội; đơn kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Huy Hùng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cụ Nguyễn Quốc Toàn và ông Nguyễn Văn Hải, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc thửa đất: Đối với tài liệu là ‘Đơn xin đề nghị’ của cụ Nguyễn Thị Đàm với nội dung: nguyên trước kia cụ ở xóm 6 xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội thời gian năm 1973, gia đình cụ rơi vào tuyến chạy của Nhà nước giải phóng lòng sông nên đã được UBND xã đổi cư cho về chỗ mới là 1,5 sào tại Xóm 2 xã Tự Nhiên. Mặc dù những người xác nhận vào “đơn xin đề nghị” nêu trên là cụ Nguyễn Quốc Toàn và chủ tịch xã thời bấy giờ đều đã chết, nhưng theo xác minh tại UBND xã Tự Nhiên, chính quyền xã đã xác nhận nội dung: “*cụ Đàm có thổ cư ở xóm 6, nay chuyển lên xóm 2 như đơn trình bày là đúng*”. Như vậy, sự việc đổi đất là có căn cứ để xem xét và cũng là tình tiết quan trọng để giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tình tiết này mà chỉ căn cứ vào trích lục bản đồ năm 1985 ghi tên người sử dụng là bà Đặng Thị Nấp, đến bản đồ năm 1993 người sử dụng là bà Nguyễn Thị Lân để xác định nguồn gốc đất là của cụ Nấp là chưa đầy đủ.

- Sự việc đổi đất hoặc cấp đất từ năm 1971 đến năm 1996 UBND xã Tự Nhiên không còn lưu trữ tài liệu liên quan; tuy nhiên diện tích đất tại xóm 6 mà trong Đơn cụ Đàm có trả lại và đội 5 tiếp nhận quản lý với diện tích 1 sào 7 thước hiện nay nằm tại vị trí nào, do ai đang quản lý sử dụng, nguồn gốc của thửa đất như thế nào thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ để đối chiếu.

- Đối với tình tiết: theo bản đồ năm 1985 chủ sử dụng của thửa đất đang tranh chấp ghi tên cụ Đặng Thị Nấp, đến bản đồ năm 1993 là tên bà Nguyễn Thị Lân; Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ lý do từ đâu có việc chuyển đổi chủ sử dụng đất như vậy; việc chuyển đổi chủ sử dụng của thửa đất như nêu trên các con của cụ

Nắp, và chồng của cụ Nắp là cụ Toàn có biết và có ý kiến gì hay không; mà đã nhận định toàn bộ diện tích còn lại (trừ phần cụ Nắp đã bán) của thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Lân là chưa đủ cơ sở vững chắc, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Toàn.

Những thiếu sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, đánh giá chứng cứ đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, kháng cáo của của bị đơn – ông Nguyễn Huy Hùng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cụ Nguyễn Quốc Toàn và anh Nguyễn Văn Hải và áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lân về yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

3. Về án phí:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lân phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà Lân đã ngoài 60 tuổi nên được xem là người cao tuổi và được miễn toàn bộ án phí. Hoàn trả lại bà Lân 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

- Do hủy bản án sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên cụ Toàn, ông Hùng, anh Hải không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà các đương sự đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 18/QĐKNPT-VKS-P9 ngày 13/9/2022 của Viện kiểm sát NDTP Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DSST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Giao hồ sơ vụ án về TAND huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đương sự đã nộp và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thị Lân được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Lân 300.000 đồng tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0022988 ngày 23/08/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

3.3. Ông Nguyễn Huy Hùng, cụ Nguyễn Quốc Toàn và anh Nguyễn Văn Hải không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Huy Hùng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/002997 ngày 29/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

Hoàn trả lại cụ Nguyễn Quốc Toàn 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/002996 ngày 29/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn Hải 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2020/002995 ngày 29/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VIỆN KIỂM SÁT ND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh

